

DI CƯ LAO ĐỘNG VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở NGƯỜI TÀY (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP XÃ THANH LONG, HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN)¹

ThS. Trương Văn Cường

Viện Dân tộc học

Email: truongcuong1983@gmail.com

Tóm tắt: Di cư lao động là xu hướng phổ biến hiện nay, được xem như là một chiến lược sinh tồn của người dân nhằm thích ứng với điều kiện sống khó khăn trong bối cảnh thiếu việc làm, thu nhập thấp, thiếu đất sản xuất. Những khó khăn và bất ổn về sinh kế là nguyên nhân chính thúc đẩy người lao động di cư ra khỏi địa phương đến những nơi có những điều kiện thuận lợi đảm bảo cho cuộc sống của họ hơn. Các hình thái di cư lao động đã và đang diễn biến ngày càng phức tạp, với quy mô, hình thức, đối tượng, thành phần đa dạng và có ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh đời sống kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay, nhất là trong nỗ lực xóa đói giảm nghèo. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng di cư lao động của người Tày ở xã Thanh Long, huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn, bài viết này tập trung tìm hiểu vai trò của di cư lao động đến xóa đói giảm nghèo trên một số khía cạnh như chuyển dịch cơ cấu kinh tế, việc làm, thu nhập, chi tiêu và giảm tỷ lệ hộ nghèo.

Từ khóa: Di cư lao động, xóa đói giảm nghèo, người Tày, Lạng Sơn.

Abstract: Labour migration is a popular trend today, considered a survival strategy to adapt to difficult living conditions in the context of job shortage, low income, and lack of production land. Hardships and instability in livelihoods are the main reasons that push workers to migrate from their hometowns to places with more better conditions to ensure their lives. Labour migration patterns have become increasingly complex, with diverse scales, forms, subjects, and components, affecting many aspects of socioeconomic life in our country today, especially in efforts to eradicate hunger and reduce poverty. Based on research on the current situation of Tay people's labour migration in Thanh Long commune, Van Lang district, Lang Son province, this article seeks to understand the role of labour migration in hunger eradication and poverty reduction in some aspects, including economic restructuring, employment, income, spending, and reducing the household poverty rate.

Keywords: Labour migration, hunger eradication and poverty reduction, Tay ethnicity, Lang Son.

¹ Bài viết là kết quả của Đề tài khoa học cấp cơ sở: “Di cư lao động với xóa đói giảm nghèo của người Tày ở xã Thanh Long, huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn” do Viện Dân tộc học quản lý, ThS. Trương Văn Cường làm Chủ nhiệm năm 2023.

Ngày nhận bài: 8/9/2023; ngày gửi phản biện: 12/9/2023; ngày duyệt đăng: 20/10/2023.

Mở đầu

Sự phát triển không đồng đều giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến di cư lao động và trở thành xu hướng trong bối cảnh hiện nay. Theo tổ chức Di cư quốc tế (IOM), năm 2020 có khoảng 281 triệu người di cư quốc tế, chiếm khoảng 3,6% dân số thế giới. Ở nước ta, theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, cả nước có khoảng 6,4 triệu người di cư, chiếm 7,3% tổng dân số từ 5 tuổi trở lên (Tổng cục Thống kê, 2020).

Di cư tác động đến nhiều khía cạnh kinh tế - xã hội và văn hóa cả ở nơi đến và nơi đi, trong đó có tác động đến xóa đói, giảm nghèo. Nghiên cứu của De Brauw & Harigaya (2007) đã chỉ ra rằng, di cư lao động theo mùa vụ có đóng góp tích cực tới giảm nghèo ở Việt Nam trong giai đoạn 1992-1998. Một số nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học ở Việt Nam đã đề cập đến tác động di cư lao động tới xóa đói giảm nghèo ở các tộc người thiểu số (Nguyễn Văn Chính, 2021; Vũ Đình Mười và cộng sự, 2022). Các nghiên cứu này đã chỉ ra mối quan hệ giữa di cư lao động và quá trình giảm nghèo, hay chiến lược giảm nghèo của các hộ gia đình nông dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn trong khi lao động thành thị được bổ sung và trẻ hóa, làm phong phú đời sống. Nguyễn Văn Chính (2021, tr. 401) khẳng định di cư lao động mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho cả hai bên tham gia vào quá trình này: người lao động và chủ lao động ở nơi đến. Trong đó, người lao động có thêm việc làm và tăng thu nhập, giải tỏa áp lực thiếu hụt kinh tế hộ gia đình, đồng thời, giúp xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn rất hiệu quả. Một nghiên cứu về di cư lao động của người Tày, Nùng ở tỉnh Lạng Sơn đã khẳng định, di cư lao động xuyên biên giới là một lựa chọn cấp bách của người dân ở địa phương trong phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Từ nguồn thu nhập do làm thuê bên Trung Quốc, người dân có điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống, xây dựng nhà cửa, mua sắm trang thiết bị sinh hoạt cũng như đầu tư cho sản xuất và giáo dục của con cái (Vũ Đình Mười và cộng sự, 2022, tr. 133). Tuy nhiên, nghiên cứu về di cư lao động và tác động của nó đến xóa đói giảm nghèo ở các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cho đến nay vẫn còn chưa được quan tâm đúng mức. Trong bối cảnh hiện nay, nhiều khu vực vùng biên giới vẫn đang trong quá trình chuyển đổi kinh tế, tình trạng thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm, thu nhập thấp, dẫn đến nguồn lao động dư thừa. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc xây dựng hàng rào biên giới và siết chặt xuất nhập cảnh cũng dẫn đến việc đi làm thuê sang Trung Quốc của các tộc người thiểu số vùng biên giới không còn thuận lợi như trước.

Dựa trên tư liệu điền dã dân tộc học năm 2023 ở xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, bài viết đề cập đến thực trạng và vai trò của di cư lao động với xóa đói giảm nghèo của người Tày nơi đây. Từ đó, góp phần cung cấp tư liệu cho các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách trong việc đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và quản lý lao động di cư một cách có hiệu quả.

1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Thanh Long là xã biên giới thuộc huyện Văn Lãng, cách trung tâm huyện Văn Lãng 12km, có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc dài 9,3km, phía bắc giáp xã Thụy Hùng, phía tây giáp xã An Hùng, phía nam giáp xã Tân Thanh và phía đông giáp với thành phố Bằng Tường (Quảng Tây, Trung Quốc). Xã Thanh Long có tổng diện tích tự nhiên là 3.883,83ha, trong đó, đất nông nghiệp 1.383ha, đất rừng 2.000ha và đất ở 500,83ha. Dân số của xã tính đến thời điểm tháng 4/2022 là 3.226 người, trong đó, dân tộc Tày 1.177 người (671 nam và 506 nữ); dân tộc Nùng 1.560 người (816 nam và 744 nữ), các tộc người khác 489 người. Trên địa bàn xã có 319 hộ Tày và 400 hộ Nùng, cư trú tại 12 thôn, trong đó có 4 thôn giáp Trung Quốc là Bản Cẩu, Pá Trí, Còn Bó và Pác Cú (UBND xã Thanh Long, 2022a). Khoảng 20 - 30% số hộ gia đình tại các thôn có bà con thân tộc bên kia biên giới (quan hệ dòng họ, hôn nhân), nhất là người Tày. Điểm nghiên cứu chính được lựa chọn là thôn Bản Cẩu, giáp biên, có địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn. Thôn có 52 hộ gia đình (45 hộ dân tộc Tày và 7 hộ dân tộc Nùng) với 244 nhân khẩu.

Dân tộc Tày cư trú ở xã Thanh Long từ lâu đời với hoạt động sinh kế chính là trồng lúa nước, khai thác tự nhiên, đào ao thả cá, nuôi vịt và trồng cây công nghiệp. Ngoài làm nông nghiệp, trước khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát năm 2020, vào thời điểm nông nhàn, người Tày còn làm thuê theo mùa vụ tại các nông trại. Họ có nhiều kinh nghiệm trong canh tác ruộng nước, cộng với bản tính chăm chỉ nên thường được các chủ người Trung Quốc thuê vào mỗi mùa vụ. Hiện nay, do việc kiểm soát xuất nhập cảnh vào Trung Quốc được thắt chặt từ giai đoạn phòng chống dịch COVID-19 và hàng rào biên giới được phía Trung Quốc xây dựng, tình trạng di cư lao động xuyên biên giới của người Tày nơi đây đã giảm nhiều, thay vào đó là xu hướng di cư tìm việc làm tại các khu công nghiệp trong nội địa và xuất khẩu lao động. Các hoạt động di cư lao động của người Tày ở xã Thanh Long đã có những tác động lớn đến đời sống kinh tế xã hội của người di cư, trong đó có xóa đói, giảm nghèo.

2. Thực trạng di cư lao động của người Tày ở xã Thanh Long

2.1. Di cư nội địa

Người dân xã Thanh Long bắt đầu di cư nội địa để làm việc từ những năm 2000, chủ yếu là làm công nhân tại các khu công nghiệp (dài hạn hoặc theo thời vụ) tại nhiều địa phương trong cả nước. Thống kê lao động của UBND xã Thanh Long năm 2023 cho thấy, hiện nay toàn xã có 267 người (chiếm 7,7% tổng dân số và 12,5% dân số trong độ tuổi lao động của xã), chủ yếu là nhóm trẻ tuổi, học hết Trung học cơ sở (THCS) hoặc Trung học phổ thông (THPT), đi làm công nhân tại các khu công nghiệp ở Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Nội, Hải Dương,... Thôn nào trong xã cũng có người đi làm công nhân, thôn nhiều nhất là Đông Van 45 người, thôn ít nhất là Pá Chí 6 người. Bên cạnh đó, một số ít lao động đến các khu công nghiệp làm thuê/làm công nhân mùa vụ trong các cơ sở, nhà máy gia công phụ trợ. Nhóm này chủ yếu là những người không có bằng cấp, tranh thủ đi làm thời vụ. Tiền công của nhóm lao động thời vụ trong các khu công nghiệp được trả linh động theo tuần

hoặc theo tháng, trung bình khoảng 6-8 triệu/tháng hoặc cao hơn, tùy đặc thù công việc. Hạn chế của lao động mùa vụ là thiếu tính ổn định, người lao động không được ký hợp đồng lao động, không được đóng bảo hiểm.

Ngoài đi làm công nhân, thông qua mạng lưới xã hội, người Tày ở xã Thanh Long còn đi làm thuê tự do với nhiều công việc khác nhau ở trong và ngoài tỉnh. Theo thống kê, tình trạng đi làm thuê tự do trong nội địa có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây khi Trung Quốc xây dựng hàng rào thép gai ngăn chặn luồng di cư trái phép qua lại biên giới. Tính đến đầu tháng 6 năm 2023, xã Thanh Long có 77 người đi làm thuê ở trong và ngoài tỉnh như: Thái Nguyên, Bình Phước, Hà Nội, Kon Tum, Kiên Giang,... (UBND xã Thanh Long, 2023). Người dân cho biết, thực tế số người đi làm thuê tự do lớn hơn số liệu thống kê của chính quyền địa phương do đặc thù không cố định về thời gian, thay đổi công việc thường xuyên và không ổn định, không cần đăng ký hồ sơ tại chính quyền xã. Các công việc làm thuê rất đa dạng, từ lao động mùa vụ đến những công việc dài ngày như: trồng và cắt cây keo, bạch đàn; cấy lúa, gặt lúa; nhân viên nấu ăn trong nhà hàng, bệnh viện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; chăm sóc, thu hoạch và đóng gói bưởi tại các tỉnh Kiên Giang, Bến Tre, với mức lương trung bình 5 triệu - 6 triệu VNĐ/tháng. Người thuê lao động tại địa phương có thể là người đồng tộc hoặc người Kinh do thiếu lao động khi đến vụ thu hoạch. Hạn chế của đi làm thuê tự do trong nội địa là tính ổn định không cao, mức lương thấp, người lao động không được đóng bảo hiểm, song người dân lại yên tâm hơn so với sang Trung Quốc hay đi làm công nhân vì người lao động có thể về nhà khi gia đình có việc, quan trọng hơn là chỉ cần có sức khỏe, không cần bằng cấp, đặc biệt là không bị giới hạn tuổi như đi làm công nhân.

2.2. Di cư lao động xuyên biên giới

Di cư lao động xuyên biên giới của người Tày ở xã Thanh Long gồm hai hình thức: lao động tự do bên Trung Quốc và xuất khẩu lao động; trong đó di cư lao động tự do sang Trung Quốc là hình thức phổ biến nhất. Họ bắt đầu di cư sang Trung Quốc tìm kiếm việc làm từ khoảng năm 1995 với nhiều hình thức, mức độ khác nhau như làm nông nghiệp theo mùa vụ hoặc các việc làm quanh năm tại các xưởng, nhà máy, công ty tại Trung Quốc do nhu cầu cao về lao động ở các khu vực giáp biên của Trung Quốc. Vì vậy, vào thời điểm nông nhàn, nhiều người Tày ở xã Thanh Long tranh thủ tìm kiếm việc làm thuê bên Trung Quốc. Thông qua mối quan hệ xã hội được thiết lập trước đó, bằng cách thức gọi điện thoại di động, nhắn tin, mạng xã hội (Zalo, Facebook) hoặc thông qua người thân quen, người Tày có thể nắm được các thông tin về giá nhân công, đặc điểm công việc, thời gian và cách thức di chuyển để tìm kiếm công việc làm thuê bên kia biên giới.

Theo số liệu thống kê của huyện Văn Lãng năm 2018, toàn huyện có 339.088 lượt người sang Trung Quốc tìm việc. Trong 3 tháng đầu năm 2019, số lao động xuyên biên giới trên địa bàn huyện Văn Lãng là 58.318 lượt lao động. Số lao động gặp tai nạn, rủi ro khi sang Trung Quốc năm 2018 là 470 trường hợp và 3 tháng đầu năm 2019 là 103 trường hợp, trong đó có 1 trường hợp tử vong năm 2019 (UBND huyện Văn Lãng, 2019, tr. 4). Đây chỉ là số

liệu thống kê tương đối vì phần lớn di cư lao động xuyên biên giới sang Trung Quốc của người dân vùng biên giới là di cư trái phép qua đường mòn, lối mở. Báo cáo của Phòng Lao động, Thương binh - Xã hội huyện Văn Lãng năm 2022 ước tính, vào thời điểm nông nhàn (từ tháng 10 đến trước Tết Nguyên đán), có khoảng 20% người trong độ tuổi lao động trên địa bàn huyện đi làm thuê bên Trung Quốc. Đặc biệt, tại một số xã biên giới của huyện, có khoảng 500 - 600 người/xã thường xuyên sang Trung Quốc làm thuê. Vào thời gian cao điểm giáp Tết, hầu hết các thôn chỉ còn người già, trẻ em và những người vướng bận công việc gia đình là ở lại địa bàn, còn phần lớn đều sang Trung Quốc làm thuê. Tại xã Thanh Long, số lượt người dân xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê năm 2019 là 398 lượt người. Địa điểm đến làm thuê thuộc các địa bàn Sùng Chó, Ái Dầu, Thượng Thạch (huyện Ninh Minh, tỉnh Quảng Tây). Khi dịch COVID-19 xảy ra, hầu hết người lao động bên Trung Quốc trở về Việt Nam và tìm kiếm hướng sinh kế mới. Năm 2020, xã Thanh Long chỉ còn 14 lượt người làm thuê ở Trung Quốc.

Làm thuê bên Trung Quốc khá đa dạng về ngành nghề, bao gồm các công việc liên quan đến nông - lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ, bốc vác... Các công việc liên quan đến nông nghiệp chủ yếu là trồng và làm cỏ mía, cấy lúa từ tháng Giêng đến tháng 3, gặt lúa vào tháng 6; chặt mía, hái cam, hái điều, hái hồi... vào những tháng cuối năm, từ tháng 10 đến sau Tết. Các công việc khác thường có quanh năm như làm thuê trong xưởng công nghiệp, sơ chế nông sản, chế biến gỗ, phân loại và chế biến cau, lau dọn vệ sinh, thợ xây, phụ hồ, phân loại rác thải, đóng gói hàng... Một số người dân lựa chọn đi làm qua biên giới trong ngày (sáng đi, tối về) trong bán kính 10 - 20km. Người Tày ở xã Thanh Long và một số xã lân cận thường đến làm thuê cho chủ rừng bên Trung Quốc tại đồi Kéo Trỏ, thuộc khu vực cột mốc số 64, 70, 72. Công việc chủ yếu là trồng thông, bạch đàn trắng, xẻ rãnh, chăm sóc cây, xẻ cây, cấy thuê, gặt thuê. Các chủ rừng Trung Quốc khi thuê lao động thường chọn những người trẻ, có sức khỏe và quen làm việc bằng các loại máy móc như: máy cưa, máy cắt gỗ... (Vũ Đình Mười, 2022, tr. 67).

Xuất khẩu lao động là loại hình di cư lao động xuyên biên giới được phát triển tại địa phương trong những năm gần đây theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta nhằm mục tiêu giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Thống kê từ năm 2013 đến năm 2022, tỉnh Lạng Sơn có 1.834 lượt người đi làm việc ở nước ngoài, trong đó 1.735 người là dân tộc thiểu số, hộ nghèo, vùng sâu, vùng xa và quân nhân xuất ngũ. Nơi làm việc chủ yếu là Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan (Chí Tâm - Anh Tuấn, 2022). Theo thống kê của UBND xã Thanh Long, tính đến tháng 6/2023, xã Thanh Long có 36 người đi xuất khẩu lao động (UBND xã Thanh Long, 2023), trong đó thôn Bản Cẩu có 5 trường hợp đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và Philippines. Nguồn thu nhập từ những người đi xuất khẩu lao động gửi về đã góp phần cải thiện đời sống cho thân nhân của họ, giúp kinh tế gia đình trở nên khá giả hơn. Mặc dù vậy, người dân ở xã Thanh Long vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc tham gia xuất khẩu lao động như: hạn chế về trình độ tay nghề, khả năng học ngoại ngữ, chi phí xuất khẩu lao động còn cao so với điều kiện kinh tế của phần lớn người dân.

2.3. Một số đặc điểm của người di cư

Về giới tính, nữ giới có xu hướng di cư lao động nội địa và di cư lao động sang Trung Quốc nhiều hơn so với nam giới. Theo số liệu thống kê, số lượng nữ đi làm công nhân là 188 người (chiếm 70,4%), nam là 79 người (chiếm 29,6%) (UBND xã Thanh Long, 2022a). Tại thôn Bản Cáu, trong số 25 người đi làm công nhân thì có 23 người là nữ và 2 người là nam. Số lượng nữ lao động đi làm thuê bên Trung Quốc cũng nhiều hơn nam, khoảng 60% là nữ, 40% là nam. Một trong những nguyên nhân của sự chênh lệch giới này là do địa bàn cư trú gần cửa khẩu và giáp biên nên nhiều nam giới trẻ, khỏe thường lựa chọn công việc bốc vác hàng qua biên giới với tiền công cao hơn, tự do hơn so với đi làm công nhân trong nội địa và đi làm thuê bên Trung Quốc. Trong khi đó, số lượng nam giới (20 người - 55,6%) đi xuất khẩu lao động đến các nước khác Trung Quốc nhiều hơn so với nữ giới (16 người - 44,4%).

Về độ tuổi, số liệu thống kê của chính quyền xã Thanh Long cho thấy có sự khác nhau về độ tuổi giữa các nhóm di cư lao động. Nhóm di cư lao động đi làm công nhân chủ yếu sinh năm 1990 đến năm 2000, người cao tuổi nhất sinh năm 1978. Nhóm di cư lao động làm thuê bên Trung Quốc có độ tuổi đa dạng hơn từ 20 đến dưới 55 tuổi, tuy nhiên, phần lớn là ở nhóm tuổi từ 30 - 40 do công việc chân tay nặng nhọc, cần người có sức khỏe tốt. Nhóm di cư lao động làm thuê tự do ở các địa bàn trong nước cũng có độ tuổi tương tự như nhóm làm thuê bên Trung Quốc, từ 20 - 50 tuổi hoặc cao hơn và nhóm tuổi lao động trẻ chiếm số lượng lớn so với nhóm trên 40 tuổi. Nhóm xuất khẩu lao động chủ yếu là những người trẻ tuổi từ 18 - 25 tuổi, là thanh niên trẻ, học xong bậc THPT hoặc Đại học, Cao đẳng.

Về trình độ học vấn, đào tạo nghề, nhóm đi làm công nhân, xuất khẩu lao động phần lớn đã tốt nghiệp THCS hay THPT và có một bộ phận được đào tạo nghề. Trong khi đó, nhóm lao động tự do, làm thuê bên Trung Quốc, bốc vác hàng qua biên giới có trình độ học vấn thấp hơn, nhiều trường hợp không biết chữ và không được đào tạo nghề.

3. Vai trò của di cư lao động với xóa đói giảm nghèo

3.1. Tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi sinh kế hộ gia đình

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có tác động tích cực đối với xóa đói, giảm nghèo. Các hộ gia đình có cơ cấu thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp càng lớn thì khả năng thoát nghèo càng cao (Lê Điền Nghi, Nguyễn Quyết Thắng, 2022, tr. 1). Đối với người Tày ở xã Thanh Long, di cư lao động là một cơ hội chuyển dịch cơ cấu kinh tế hộ gia đình, đổi mới canh tác nông nghiệp, đa dạng hóa nguồn thu nhập và giảm sự phụ thuộc vào các hoạt động khai thác tự nhiên. Tại thôn Bản Cáu, lực lượng lao động dịch chuyển từ nông nghiệp kết hợp với phi nông nghiệp đã tăng lên; lao động phi nông nghiệp hiện chiếm khoảng 50% tổng số lao động; cơ cấu thu nhập từ phi nông nghiệp ước tính chiếm tới 80% tổng thu nhập của hộ gia đình, trong đó thu nhập từ di cư lao động là chủ yếu, một phần nhỏ từ kinh doanh, buôn bán.

Trong đổi mới hoạt động nông nghiệp, do tác động kép từ chính sách Đổi mới, Khoản 10, các chính sách của Nhà nước và địa phương, phát triển kinh tế thị trường cùng kinh

nghiệm đi làm thuê ở Trung Quốc và ở các địa phương trong nước, người Tày ở xã Thanh Long đã thay đổi cách nghĩ, cách làm nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng hàng hóa. Họ đã đưa vào canh tác các giống lúa mới (203, Khang dân, lúa lai Trung Quốc, Kim cương, Bao thai), ngô mới (ngô ĐK 88,89, 178, K54, 171, Xin 6), rau củ (cải làn, cải thảo, cà chua, su hào, bắp cải, khoai lang...) để đáp ứng nhu cầu lương thực và bán ra thị trường nhằm cải thiện mức sống hàng ngày. Bên cạnh đó, người dân đã phát triển các diện tích trồng cây nguyên liệu có giá trị kinh tế cao như cây hồi, thông, cát sâm, sa nhân, quế, sò,... (Vũ Đình Mười, 2022, tr. 116). Trong chăn nuôi, từ nguồn thu nhập đi làm thuê, một số hộ gia đình đã gia tăng số lượng trâu, bò với mục đích để bán. Điển hình như hộ gia đình ông H.V.C, thôn Bản Cẩu có đàn trâu 15 con, chuyển 3 sào ruộng sang trồng cỏ voi làm nguồn thức ăn cho đàn trâu. Một số hộ mở rộng diện tích ao nuôi cá từ vài trăm đến hàng nghìn m² với mục đích vừa sử dụng thực phẩm cho gia đình, vừa bán sản phẩm ra thị trường vào dịp cuối năm. Giống cá nuôi chủ yếu là cá chép, trắm, trôi, mè, rô phi đơn tính, trê lai.

Trong trao đổi mua bán, người Tày ở xã Thanh Long chú trọng đến việc bán những sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi, kể cả sản vật tìm kiếm từ trong rừng (mật ong, măng, nấm) tại chợ Bằng Tường, Trung Quốc. Đồng thời, họ cũng mua các dụng cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt tại đây. Một số ít trường hợp còn mua buôn bán lẻ hoặc nhập hàng tại địa phương sang bán tại Trung Quốc. Từ năm 2020 đến nay, hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của các tộc người trong vùng diễn ra tại chợ trung tâm huyện, các chợ tại thành phố Lạng Sơn và các vùng lân cận (Vũ Đình Mười, 2022, tr. 120). Bên cạnh đó, một số thanh niên sử dụng mạng xã hội Zalo, Facebook để đăng tải và bán các sản phẩm nông nghiệp với giá cao hơn so với bán tại chợ.

Bình quân diện tích canh tác lúa nước ở xã Thanh Long là 1.253m²/người, tại thôn Bản Cẩu là 942m²/người trong khi diện tích đất nương rẫy, đất rừng sản xuất không đáng kể. Nguồn đất đai hạn chế cùng với đặc tính của lao động nông nghiệp là theo mùa vụ, chủ yếu bận rộn vào một số thời điểm nhất định như gieo cấy và thu hoạch, còn lại là thời gian nông nhàn dẫn đến tình trạng thừa lao động, tạo lực đẩy người dân di cư tìm kiếm việc làm. Di cư lao động trở thành nhu cầu, xu thế tất yếu đối với người dân nơi đây. Việc chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp (thu nhập thấp) sang khu vực phi nông nghiệp (công nghiệp, dịch vụ) có thu nhập cao hơn tác động trực tiếp đến xóa đói, giảm nghèo. Người dân cho biết, tính cả số lượng đi làm thuê bên Trung Quốc trước dịch COVID-19, khoảng trên 70% số người trong làng đi làm thuê. Như vậy, di cư lao động giải quyết hầu hết việc làm cho những người trong độ tuổi lao động, trong khi hoạt động trồng trọt và chăn nuôi tại địa phương vẫn được duy trì ổn định. Đặc biệt, di cư lao động góp phần tận dụng thời gian nông nhàn và nguồn lao động dư thừa, đồng thời thay đổi tư duy kinh tế và khả năng hội nhập của người Tày với nền kinh tế thị trường, góp phần đa dạng hóa, chuyên môn hóa các hoạt động sinh kế, nâng cao mức sống của người Tày nơi đây.

3.2. Tăng thu nhập và mức sống hộ gia đình

Theo Ngân hàng Thế giới (2018), tỷ lệ hộ gia đình dân tộc thiểu số có thu nhập từ tiền lương tăng từ 31,01% năm 2010 lên 43,9% năm 2016. Lần đầu tiên vào năm 2016, tỷ trọng thu nhập từ tiền lương vượt tỷ trọng thu nhập từ trồng trọt trong các nhóm dân tộc thiểu số. Với người Tày ở thôn Bản Cẩu, kết quả nghiên cứu cho thấy hiện nay thu nhập của các hộ gia đình bao gồm nông nghiệp, phi nông nghiệp và một phần nhỏ từ dịch vụ, thương mại. Nguồn thu từ nông nghiệp về cơ bản chỉ đủ ăn; vào những năm mất mùa, nhiều hộ gia đình có thể gặp cảnh thiếu đói nếu như không có nguồn thu nhập khác. Các hoạt động phi nông nghiệp (đi làm thuê, làm công nhân) có vai trò rất lớn, chiếm hơn 80% tổng thu nhập của các hộ gia đình.

Thu nhập từ di cư lao động làm thuê tùy thuộc vào sức khỏe, tay nghề và có sự khác nhau giữa đi làm thuê nội địa, làm công nhân, làm bên Trung Quốc và xuất khẩu lao động. Thời điểm trước năm 2020 (trước dịch COVID-19), ước tính một người trẻ, có sức khỏe khi làm thuê chặt mía bên Trung Quốc trong ba tháng có thể đạt được thu nhập 35 - 40 triệu đồng², nhiều hơn nguồn thu nông nghiệp của ba đến bốn lao động trong một năm ở địa phương. Bên cạnh chặt mía, thông qua mạng lưới xã hội, người Tày còn làm công nhân tại các nhà máy sản xuất, xưởng gỗ bên Trung Quốc. Tiền công tính theo tháng hoặc theo sản phẩm khoán. Theo báo cáo về di cư của huyện Văn Lãng, tiền công thời điểm năm 2018 và đầu năm 2019 là từ 2.500- 3.500 Nhân dân tệ (NDT)/người/tháng. Một số khác làm công nhân ở các xưởng, khu công nghiệp thu nhập khoảng 4.000-5.000 NDT/người/tháng (khoảng 14 triệu - 17,5 triệu đồng)³. Tuy nhiên, từ khi dịch COVID-19 diễn ra đến nay (2020 - 2022), tình trạng di cư trái phép sang Trung Quốc làm thuê nhìn chung không còn, dẫn đến thu nhập của người dân bị giảm đáng kể. Để sang Trung Quốc làm thuê, người dân cho biết họ phải làm hộ chiếu và các thủ tục xuất cảnh qua đường chính ngạch với các chi phí khoảng 6 triệu đồng/người cho thời gian lưu trú tối đa là 15 ngày. Thu nhập từ đi làm thuê bên Trung Quốc đã không còn đáng kể sau khi trừ chi phí này. Do vậy, phần lớn lớp thanh niên hiện nay có xu hướng đi làm công nhân tại các công ty hoặc làm thuê tự do trong nội địa, còn lại là xuất khẩu lao động tại một số nước khác Trung Quốc.

Những người đi làm công nhân thường đi dài ngày và gửi tiền lương về cho gia đình, đây là nguồn thu nhập quan trọng với người dân nơi đây. Nhóm thanh niên chưa kết hôn

² Theo người dân, thu nhập từ chặt mía trước năm 2000 có mức tiền công 15 - 20 NDT/ngày (27.000 - 36.000 đồng) và tăng dần qua các năm, đến năm 2010 khoảng 50 NDT/ngày (140.000 đồng), vào năm 2013 là 60 - 65 NDT/ngày (200.000 - 220.000 đồng), thời điểm trước dịch COVID-19 khoảng 120 - 150 NDT/ngày (420.000 - 550.000 đồng). Một lao động chặt mía thuê hai đến ba tháng cho thu nhập khoảng 30.000.000 - 45.000.000 đồng /người.

³ Kết quả phỏng vấn người dân cho thấy, tiền công giai đoạn năm 2008 - 2010 của một công nhân từ 1.5000 đến 2.000 NDT/người/tháng (5.250.000 - 7.000.000 đồng), giai đoạn 2012 - 2014 thu nhập trung bình từ 2.000 đến 2.500 NDT/người/tháng (khoảng 7.000.000 - 8.750.000 đồng). Người dân thường làm thuê xuyên biên giới sáng đi, tối về với các công việc bón phân, phát bụi cây, gặt lúa,... với thu nhập từ 100 đến 120 NDT/ngày/người (khoảng 350.000 - 420.000 đồng). Một số khác đi làm thợ hồ (phụ vữa), thợ xây, phân loại hoa quả, đóng hàng, quét dọn vệ sinh, rửa bát, lao công,... tại Bằng Tường với tiền công 120 - 130 NDT/người/ngày (4.200.000 - 4.500.000 đồng).

thường gửi về gia đình số lượng tiền ít hơn so với nhóm đã kết hôn. Kết quả khảo sát cho thấy, bình quân một người gửi khoảng 3 triệu đồng/tháng về cho gia đình (chồng/vợ/bố/mẹ). Xã Thanh Long có 267 người đi làm công nhân, nguồn tiền gửi về khoảng 800 triệu đồng/tháng. Tại thôn Bản Cáu, hiện nay có 25 người đi làm công nhân, số tiền gửi về khoảng 75 triệu đồng/tháng.

Về nguồn thu nhập từ đi làm thuê tự do, thôn Bản Cáu hiện nay có 14 người đi làm thuê với mức thu nhập từ khoảng 5 - 6 triệu đồng/tháng và được chủ vườn/xưởng nuôi ăn, ở. Bên cạnh đó, có hai trường hợp đi làm thuê trên thành phố Lạng Sơn, một trường hợp đi nấu cơm trong bệnh viện và một trường hợp làm phục vụ tại nhà hàng ăn trên thành phố Lạng Sơn. Ngoài ra, một số người trẻ, khỏe ở nhà làm nông, tranh thủ thời gian nhàn rỗi cũng làm thuê tại địa bàn thôn/xã, trong huyện theo mùa vụ, theo yêu cầu. Công việc làm thuê khá đa dạng như cắt cây keo/bạch đàn, cấy lúa, gặt lúa. Hiện nay, giá cắt keo (người cắt tự mua máy và xăng) khoảng 500.000 - 700.000 đồng/người/ngày, trong khi giá thuê tiền công cấy, gặt khoảng 300.000 đồng/người/ngày.

Những gia đình có người đi xuất khẩu lao động ở thôn Bản Cáu thường nhận được tiền gửi về theo đợt, vài tháng một lần. Trường hợp gia đình ông H.V.Đ, có hai con đi Nhật Bản, mỗi năm gửi về khoảng 150 triệu đồng. Một số gia đình khác có các khoản tiền gửi về từ người thân ở nước ngoài từ 50 -70 triệu đồng mỗi lần. Những hộ khác mới đi thì tiền gửi về còn hạn chế, vì thời gian đầu tiền lương phải sử dụng vào việc trả nợ cho các chi phí vay ban đầu để đi xuất khẩu lao động.

Tại các gia đình người Tày ở thôn Bản Cáu, nguồn thu nhập tăng lên đáng kể do di cư lao động đã dẫn đến chi tiêu sinh hoạt của người dân cũng gia tăng. Nghiên cứu thực địa cho thấy, mức sống của người dân có nhiều thay đổi theo hướng tích cực. Trước những năm 1990, cuộc sống người Tày còn khó khăn, nhà cửa đơn sơ, tài sản thiếu thốn, người dân thiếu ăn thường xuyên (do mất mùa hoặc phải bán một phần lương thực phục vụ nhu cầu chi tiêu), thời điểm tháng 3 nhiều hộ gia đình thiếu đói phải ăn cháo, cơm độn khoai, sắn hoặc vào rừng đào củ mài ăn qua bữa. Những năm gần đây, từ nguồn tiền đi làm thuê, làm công nhân, nhiều hộ gia đình đã đầu tư vào xây sửa nhà, mua sắm phương tiện đi lại và đồ gia dụng đắt tiền, chất lượng cuộc sống được nâng cao, không còn tình trạng thiếu ăn như trước kia nữa.

Trưởng thôn Bản Cáu cho biết hầu hết chi tiêu sinh hoạt và xây, sửa nhà cửa của người dân trong thôn đều dựa vào tiền đi làm thuê, làm công nhân, trong đó chủ yếu làm thuê bên Trung Quốc. Ghi chép về chi tiêu một tháng của gia đình ông H.T.C ở thôn Bản Cáu năm 2022 cho thấy, gia đình có bảy người gồm hai vợ chồng, con trai - con dâu, con trai chưa vợ và hai cháu nhỏ, có mức chi trung bình khoảng 4 triệu đồng/tháng⁴. Đây là mặt bằng chi tiêu

⁴ Các khoản chi bao gồm: tiền điện 250.000 đồng/tháng; tiền gas 150.000 đồng /tháng; mạng internet (ti vi và wifi) 160.000 đồng /tháng; tiền nạp thẻ điện thoại 100.000 đồng/tháng cho hai điện thoại; tiền hiếu hỷ 1.000.000 đồng/tháng; tiền ăn 1.500.000 đồng/tháng; tiền học, sữa, quà vật cho hai cháu 700.000 đồng/tháng; mua quần áo cho cả gia đình 100.000 đồng/tháng (1.200.000 đồng/năm); chi phí khác như thuốc men, khám chữa bệnh,... 100.000 đồng /tháng. Đây là mức chi tiêu cố định hàng tháng mà chưa tính các khoản chi lớn (không thường

chung của người dân thôn Bản Cẩu những năm gần đây. Trong các khoản chi tiêu, người dân chi cho xây, sửa nhà nhiều hơn so với chi tiêu mua sắm đồ dùng (ti vi, máy giặt, tủ lạnh, xe máy, điện thoại), y tế, giáo dục, lương thực, thực phẩm hay chi phí khác. Thống kê từ chính quyền thôn cho biết, trên 80% số hộ xây nhà từ tiền đi làm thuê trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây, một số hộ vay thêm ngân hàng, song tiền trả ngân hàng cũng lấy từ tiền đi làm thuê hoặc làm công nhân. Ngoài ra, do nguồn thu nhập tăng lên, người dân chi nhiều hơn cho bữa ăn. Chia sẻ của một tiểu thương tại chợ địa phương cho biết, giai đoạn 2016 - 2019, mỗi ngày, gia đình bán được 2 - 3 con lợn, trọng lượng 100 - 120kg. Từ khi Trung Quốc đóng biên do COVID-19 đến nay, khoảng 2 - 3 ngày gia đình mới bán hết một con lợn. Tình trạng mua chịu, ký nợ ngày càng nhiều (H.V.D, sinh năm 1984, tiểu thương người Tày, thôn Bản Cẩu, xã Thanh Long). Về tiêu dùng, không chỉ thanh niên, nhiều người cao tuổi trong thôn cũng sắm điện thoại thông minh để có thể lên mạng Zalo, Facebook giải trí, kết nối với bạn bè và người thân đi làm ăn xa ở Trung Quốc. Tại thôn Bản Cẩu có khoảng 70% số hộ đăng ký kết nối wifi, một số khác ký gói cước Data riêng với nhà mạng.

3.3. Giảm tỷ lệ hộ nghèo

Báo cáo của Ngân hàng Thế giới (2018) chỉ ra mức tăng tiền lương bình quân trên mỗi người lao động trong giai đoạn 2014 - 2016 là yếu tố đóng góp khoảng một nửa trong tổng mức giảm nghèo được quan sát thấy trong giai đoạn này. Báo cáo của Tổ chức Oxfam (2017) đưa ra cùng nhận định, tỷ lệ tiếp cận việc làm phi nông nghiệp càng cao kéo theo tỷ lệ nghèo có xu hướng càng thấp và ngược lại. Kết quả từ nghiên cứu Lao động di cư trong cộng đồng dân tộc thiểu số của Tổ chức CARE (2020) cho thấy, thu nhập từ người dân tộc thiểu số đi làm ăn xa chiếm gần một nửa tổng thu nhập của hộ gia đình tại địa phương, 43,5%. Thực tế cho thấy, di cư lao động tăng lên trong cộng đồng dân tộc thiểu số, đóng góp không nhỏ vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế lao động, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và giảm nghèo đa chiều của hộ gia đình. Theo báo cáo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, trong vòng 20 năm qua Việt Nam giảm nghèo khá nhanh, hàng triệu hộ gia đình thoát nghèo. Thành tựu đáng kể này có một phần đóng góp không nhỏ từ nguồn lực kinh tế của những lao động di cư đem lại. Nguồn thu từ di cư lao động giúp người dân tăng thu nhập và có tiền chi tiêu, đời sống người dân được cải thiện, đặc biệt tỷ lệ hộ nghèo giảm (Đoàn Văn Trường, 2014).

Tại điểm nghiên cứu, chính quyền và người dân địa phương cho biết, bên cạnh các chương trình phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo của Chính phủ, di cư lao động đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo tại địa phương trong những năm qua. Thống kê của UBND xã Thanh Long (2022b) cho thấy tỷ lệ hộ nghèo của xã có giảm

xuân) như mua ti vi (giá 11.900.000 đồng năm 2018), điện thoại (năm 2016 mua một chiếc giá 3.000.000 đồng, năm 2021 mua một chiếc giá 6.500.000 đồng), mua tủ lạnh (năm 2016 giá 8.300.000 đồng), mua xe máy hai chiếc (năm 2010 mua một chiếc cũ 10.500.000 đồng và năm 2019 mua một chiếc giá 38.000.000 đồng). Về khoản chi lớn nhất là xây nhà (năm 2016) 400.000.000 đồng, trong đó tiền từ làm thuê bên Trung Quốc khoảng 250.000.000 đồng, vay họ hàng 50.000.000 đồng, vay ngân hàng 30.000.000 đồng, số tiền còn thiếu là công thợ và vật liệu xây dựng được trả dần vào những năm sau.

xuống qua các năm đến thời điểm năm 2020, sau đó lại gia tăng vào những năm 2021 - 2022. Số liệu cụ thể như sau: tỷ lệ hộ nghèo năm 2010 là 43,30%, năm 2012 là 20,57%, năm 2014 là 15,75%, năm 2016 là 31,75%, năm 2018 là 29,36%, năm 2020 là 6,50%, năm 2021 là 14,87% và năm 2022 là 20,99%. Vai trò của di cư lao động thể hiện rõ hơn khi tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo ở thôn Bản Cáu từ năm 2010 đến nay giảm từ 100% năm 2010, xuống 56% năm 2015 và 11,53% năm 2022. Theo chia sẻ của ông H.V.C: “*Làm trưởng thôn Bản Cáu hơn 10 năm nay, tôi khẳng định, không có đi làm thuê, làm công nhân thì người dân ở không thể có cuộc sống như hiện nay. Do ở đây thiếu đất sản xuất, đất xấu, hay mất mùa, làm ra cũng khó bán hay giá cả thấp, làm cái gì cũng khó khăn*”. Ngoài ra, vai trò của di cư lao động thể hiện rõ hơn trong khoảng 3 năm gần đây (2020-2022), do dịch COVID-19 và chính sách đóng biên của Trung Quốc dẫn đến tình trạng đi làm thuê, làm công nhân bị đình trệ. Đây là nguyên nhân dẫn đến đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, một số hộ lâm vào tình trạng tái nghèo. Song, đời sống người dân bước đầu đã ổn định trở lại sau khi hết dịch, xu hướng đi làm công nhân, làm thuê, xuất khẩu lao động đã phát triển trở lại trong thời gian gần đây.

Kết luận

Di cư lao động là xu hướng tất yếu của người Tày ở xã Thanh Long khi hầu hết những người trẻ tuổi lựa chọn di cư lao động thay vì ở lại phát triển sinh kế tại địa phương. Đây là một chiến lược sinh tồn nhằm thích ứng, đối phó với điều kiện sống khó khăn trong bối cảnh thiếu việc làm, thiếu đất sản xuất, thu nhập thấp, thiếu tiền chi tiêu trong khi nhu cầu tiêu dùng cho sinh hoạt ngày càng lớn. Di cư lao động có những tác động tích cực đến xóa đói, giảm nghèo ở địa phương khi giúp người Tày nơi đây chuyển đổi sinh kế, có thêm nguồn vốn tri thức và vốn tài chính đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hàng hóa, học được nghề mới, cách thức làm ăn mới áp dụng tại địa phương. Di cư lao động đã và đang đóng góp trong việc gia tăng thu nhập, nâng cao mức sống và giảm tỷ lệ nghèo ở các hộ gia đình.

Tuy vậy, mặt trái của di cư lao động là gây ra tình trạng thiếu hụt lao động tại nơi đi, tạo ra một số hệ lụy xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy, gây thiếu nguồn nhân lực cho địa phương trong việc phát triển hệ thống chính trị cơ sở ở khu vực biên giới. Ngoài ra, di cư lao động gây ra một số nguy cơ như: mai một bản sắc văn hóa, xung đột trong quan hệ gia đình, trẻ em thiếu sự chăm sóc của cha mẹ, người cao tuổi thiếu sự chăm sóc của con cháu, người di cư thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục,... Vấn đề đặt ra là cần có chính sách phát triển kinh tế - xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu việc làm tại địa phương, đặc biệt tại khu vực biên giới trong bối cảnh hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. CARE (2020), *Lao động di cư trong cộng đồng dân tộc thiểu số: Thực trạng và hàm ý chính sách*, trên trang <https://www.care.org.vn/project/bao-cao-tom-luoc-ve-lao-dong-di-cu-trong-cong-dong-dan-toc-thieu-so-thuc-trang-va-ham-y-chinh-sach/?lang=vi> (Truy cập ngày 3/8/2021).

2. Nguyễn Văn Chính (2021), *Di cư, đói nghèo và phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. De Brauw, Alan & Harigaya, Tomoko (2007), “Seasonal migration and improving living standards in Vietnam”, *American Journal of Agricultural Economics*, 89 (2), 430-447.
4. IOM (2022), World Migration Report, trên trang <https://worldmigrationreport.iom.int/wmr-2022-interactive/> (Truy cập ngày 22/6/2023).
5. Vũ Đình Mười và cộng sự (2022), *Di cư lao động sang Trung Quốc của người Tày, Nùng và tác động đến phát triển vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
6. Ngân hàng thế giới (2018), *Bước tiến mới; giảm nghèo và thịnh vượng chung ở Việt Nam*, - Báo cáo cập nhật về đói nghèo và thịnh vượng chung ở Việt Nam
7. Lê Điền Nghi, Nguyễn Quyết Thắng (2022), “Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện U Minh, tỉnh Cà Mau”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Trường Đại học Bình Dương, Quyển 5, số 3, tr 15-27.
8. Oxfam (2017), *Even it up: How to tackle inequality in Vietnam*, Retrieved from Labor and Social Publishing House.
9. Chí Tâm - Anh Tuấn (2022), “Ban Kinh tế Trung ương khảo sát công tác xuất khẩu lao động tại tỉnh Lạng Sơn”, *Tạp chí Lao động và xã hội*, ngày 15/07/2022, trên trang <http://laodongxahoi.net/ban-kinh-te-trung-uong-khao-sat-cong-tac-xuat-khau-lao-dong-tai-tinh-lang-son-1324029.html> (Truy cập ngày 19/7/2023).
10. Tổng cục Thống kê (2020), *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
11. Đoàn Văn Trường (2014), “Tác động của di cư lao động đối với phát triển kinh tế - xã hội của nơi đi và nơi đến”, *Tạp chí Dân số và phát triển*, Tập 1, tr. 16-21.
12. Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng (2019), *Báo cáo tình hình lao động qua biên giới Trung Quốc làm việc từ năm 2018 và 3 tháng đầu năm 2019*.
13. Ủy ban nhân dân xã Thanh Long (2022a), *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh*.
14. Ủy ban nhân dân xã Thanh Long (2022b), *Thống kê tỷ lệ hộ nghèo qua các năm (2005-2022)*.
15. Ủy ban nhân dân xã Thanh Long (2023), *Danh sách các trường hợp làm việc ngoài tỉnh năm 2023*, Bộ phận Thống kê thực hiện tháng 06/2023.